



## THƯƠNG CẢNG VÂN ĐỒN – NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN LỊCH SỬ VÀ GIAO LƯU VĂN HÓA

### VAN DON TRADE PORT – THE HISTORICAL PERSPECTIVE AND CULTURAL EXCHANGE

Đặng Thị Kiều Oanh\*

Trường Đại học Văn hóa TP.Hồ Chí Minh.

\* oanh dang@hcmuc.edu.vn

Ngày nhận bài:

13/5/2024

Ngày chấp nhận đăng:

04/7/2024

**Keywords:** Van

Don, trading port,  
exchange, economy,  
culture

#### ABSTRACT

*Across history, the trade port has maintained vital importance, nurturing sea-based diplomatic connections and reflecting dominant political and cultural trends. As Dai Viet's primary trading hub and an essential key stop on the "maritime silk road," Van Don trade port (now in Quang Ninh province) has long served as the nation's portal for global interaction and amalgamation. This piece explores the historical perspective and cultural exchange of Van Don through an analysis of historical documents. It underscores how ancient trading ports, notably Van Don, embody political expertise, economic and cultural dynamism, and the "seaward" mindset of the feudal dynasties of Vietnam in engaging with the world beyond.*

#### TÓM TẮT

*Trong tiến trình lịch sử, thương cảng được coi là một trong những nơi trọng yếu chiến lược, có vai trò quan trọng trong việc xác lập bang giao trên biển, đồng thời cũng là nơi chịu ảnh hưởng thường xuyên và mạnh mẽ của các xu hướng chính trị cũng như các trào lưu văn hoá. Được coi là thương cảng đầu tiên của Đại Việt và là điểm quan trọng của "con đường tơ lụa trên biển", Vân Đồn (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) đã trở thành cửa ngõ giao lưu và hội nhập quốc tế của nhiều triều đại phong kiến Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Bằng việc khảo cứu sử liệu, bài viết xem xét thương cảng Vân Đồn trên phương diện lịch sử và giao lưu văn hoá. Bài viết cho thấy, sự xuất hiện của các thương cảng cổ, cụ thể là Vân Đồn, phản ánh sự nhạy cảm về chính trị, khả năng sáng tạo và thích ứng về văn hoá cũng như tư duy "hướng biển" của các triều đại phong kiến Việt Nam trong mối quan hệ giao bang với thế giới bên ngoài.*

**Từ khóa:** Vân Đồn,

thương cảng, giao  
lưu, kinh tế, văn hóa

## 1. Đặt vấn đề

Không chỉ nổi tiếng bởi vẻ đẹp thiên nhiên được ví như “*Vũ trụ đốn thanh trầm hải nhạc*”<sup>1</sup> (Nguyễn Trãi), hay “*Thần kỳ mạc trạng an bài chương*”<sup>2</sup> (Trịnh Cương), Vân Đồn còn được biết đến bởi vị trí chiến lược đa năng (từ phương diện kinh tế, văn hóa đến an ninh quốc phòng). Với chính sách ngoại thương cởi mở của triều đại phong kiến Đại Việt, Vân Đồn đã trở thành một trong những trung tâm mậu dịch buôn bán và bang giao nổi tiếng đương thời.

Tên Vân Đồn bắt nguồn từ tên của núi Vân (tức núi có mây bao phủ), còn gọi là núi Đoạn Sơn thuộc làng Vân (nay là xã Quan Lạn, tỉnh Quảng Ninh). Theo tác giả An Nam chí nguyên: “*Núi Vân Đồn tức là núi Đoạn Sơn, ở huyện Vân Đồn trong biển. Hai ngọn núi đứng đối nhau, một dải nước chảy thông ở giữa, tại đó có đóng kê gỗ, dựng làm cửa biển*” (Cao Hùng Trưng, 2017, trang 152). Phan Huy Chú cho rằng đây là vùng sông lớn mệnh mông được bao bọc các núi cao chót vót, châu nọ, huyện kia cách biệt nhau như cỗi khác (Phan Huy Chú, 1992, trang 137).

Dựa trên nhiều tài liệu sử học, các nhà sử học đã có nhiều nỗ lực trong việc xác định vị trí thương cảng Vân Đồn. Căn cứ vào các ghi chép về An Nam, Yamamoto Tassuro xác định trung tâm huyện Vân Đồn có lẽ nằm trên đảo Vân Hải (Yamamoto, 1981, trang 12). Đỗ Văn Ninh coi Vân Đồn là một hệ thống thương cảng có trung tâm là Cái Làng và Sơn Hào, nhưng hệ thống thương cảng này theo tác giả chỉ bao gồm một

số bến cảng, vịnh nhỏ ở các làng Quan Lạn và Minh Châu ngày nay<sup>3</sup> (Nguyễn Văn Kim, 2015, trang 125). Trong chú giải *Dur địa chí* của Nguyễn Trãi, Hà Văn Tấn cho rằng Vân Đồn là một đảo trong vịnh Hạ Long nằm ở phía Đông của cù lao Cái Bàn, còn có tên gọi là đảo Vân Hải (Nguyễn Trãi, 2001, trang 587). Trần Quốc Vượng lưu ý thêm, đảo Vân Hải là một trong những đảo thuộc vịnh Hạ Long, trong thời kỳ đổi mới đảo Vân Hải kết hợp với vùng phụ cận thành huyện Vân Hải<sup>4</sup> (Nguyễn Văn Kim, 2015, trang 125).

Nếu coi biển Đông Nam Á là một “*Địa Trung Hải thu nhỏ*” (Mediterranean) của châu Á (Lombard, 2007, trang 1) thì thương cảng Vân Đồn là “cửa ngõ” thông ra biển. Hội tụ những lợi thế sẵn có, trên cơ sở kế thừa những hoạt động kinh tế truyền thống của “biển Giao Châu”, Vân Đồn đã nhanh chóng trở thành đầu mối giao lưu khu vực trọng yếu của Đại Việt. Đặc biệt trong bối cảnh trỗi dậy của các “*thể chế biển*” (Maritime polities) ở các vùng hải đảo (Nguyễn Văn Kim, 2003, trang 79-80), Vân Đồn nổi lên như một thương cảng quốc tế đa năng. Tuy nhiên, tính chất quốc tế của thương cảng Vân Đồn không chỉ thể hiện qua các hoạt động giao thương mang tính liên vùng mà còn ở sứ mệnh “*kết nối, góp phần phát triển sáng tạo nhiều giá trị văn hóa châu Á*” (Nguyễn Văn Kim & Nguyễn Mạnh Dũng, 2007, trang 315)

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lịch sử là phương pháp chính tôi sử dụng trong bài viết này. Thông qua các dữ liệu, các sự kiện lịch sử liên quan đến Vân Đồn

---

<sup>1</sup> Dẫn theo Nguyễn Trãi (2007). *Vân Đồn*. Bản dịch của Đào Duy Anh. Truy cập 1/7/2024, từ <https://www.thivien.net>

<sup>2</sup> Dẫn theo Trần Nhuận Minh (2024). *Hai bài thơ của vua Lê Thánh Tông và Chúa An Đô Vương Trịnh Cương khắc vào vách đá núi truyền đấng, nay là núi Bài thơ ở trung tâm thành phố Hạ Long (Quảng Ninh)*. Truy cập 1/7/2024, từ <https://vietvanmoi.fr/index452.html>

<sup>3</sup> Đỗ Văn Ninh. (1997). Huyện Đảo Vân Đồn. Quảng Ninh: Ủy ban Nhân dân huyện Vân Đồn. Trang 145-46. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim. (2015). Vân Đồn: an international sea port of Đại Việt. Trong Gin, O. K., & Tuan, H. A. *Early Modern Southeast Asia 1350-1800 (pp.122-135)*. London, UK: Routledge.

<sup>4</sup> Trần Quốc Vượng (2010). Về địa điểm Vân Đồn. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Lưu trữ số 130. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim. (2015). Vân Đồn: an international sea port of Đại Việt 1350-1800. Trong Gin, O. K., & Tuan, H. A. *Early Modern Southeast Asia (pp.122-135)*. London, UK: Routledge.

trong tiến trình lịch sử, bài viết xem xét thương cảng Vân Đồn trên phương diện lịch sử và giao lưu văn hoá, qua đó làm nổi bật nên truyền thống khai thác biển và tư duy “hướng biển” của các triều đại phong kiến Việt Nam. Trong bài viết này, tôi không đi sâu vào toàn bộ diễn biến lịch sử mà chỉ chọn lọc những sự kiện, những mốc lịch sử chính liên quan trực tiếp đến quá trình hình thành, phát triển, suy tàn cũng như hoạt động giao lưu văn hóa ở thương cảng Vân Đồn.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Thương cảng Vân Đồn – Từ góc nhìn lịch sử

Trong mỗi thời kỳ, ít nhất là về mặt kinh tế luôn có những trung tâm thương mại nổi lên, phát triển và suy tàn theo lịch sử, thương cảng Vân Đồn cũng không ngoại lệ. Nhìn lại tiến trình lịch sử hình thành và phát triển của thương cảng Vân Đồn, thương cảng quốc tế đầu tiên của Đại Việt, chúng ta có thể thấy thương cảng này đã có những biến đổi thăng trầm, song song với những biến động của lịch sử dân tộc.

##### 3.1.1. Giai đoạn hình thành và phát triển

Khảo cứu các bộ chính sử, cùng với các sự kiện chính trị có thể thấy thương cảng Vân Đồn được hình thành từ thời nhà Lý. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi, *Kỷ Tỵ năm thứ 10* (năm 1149), vua Lý Anh Tông (1136-1175) cho lập trang Vân Đồn và cho phép tiến hành các hoạt động buôn bán tại đây. Nhờ chính sách mở cửa này, Vân Đồn đã thu hút được nhiều nhóm thương nhân, sứ đoàn các nước. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề an ninh quốc phòng “trên yên dưới thuận”, bên cạnh việc duy trì hoạt động ngoại thương, kết hợp với việc “*đi tuần các hải đảo ở địa giới các phiên bang Nam Bắc xem hình thế núi sông, dân tình đau khổ và đường đi xa gần thế nào... vẽ bản đồ và ghi chép phong vật*” (Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê, 1993, trang 316-317), nhà Lý (1009-1225) còn đưa ra một

số những quy định đối với thương thuyền nước ngoài mà theo Uông Đại Uyên (đời Nguyên) là đề phòng “*người ta dò thấy thực hư của nước đó [Đại Việt]*”<sup>5</sup> Theo đó, dưới thời nhà Lý, thuyền buôn nước ngoài chỉ lên xuống ở vùng Đoạn Sơn (tức phải neo đậu ở Vân Đồn), không được ghé vào đất liền, thậm chí chỉ được phép hoạt động buôn bán ở một số địa điểm nhất định do triều đình quy định. Để tránh hoạt động buôn lậu hay hoạt động do thám của thế lực bên ngoài, triều đình cũng quy định nơi đỗ tàu thuyền ngoại quốc và tàu thuyền nội địa, đồng thời hạ lệnh cấm khách buôn phương Bắc được ở lẫn với người dân bản địa hay chiếm ngụ chỗ đất bỏ trống.

Xuất hiện từ thời Lý, nhưng phải đến thời Trần (1226-1400), Vân Đồn mới thực sự phát triển mạnh mẽ. Với hệ thống thương cảng chuyên dụng, Vân Đồn đã từng bước mở rộng quy mô giao lưu kinh tế, văn hóa với nhiều quốc gia trong khu vực. Điều này được Đại Việt sử ký toàn thư chép lại: “*Trước đây, thời nhà Lý, thuyền buôn tới thì vào các cửa biển Tha, Viên ở châu Diên. Đến nay, đường biển đổi dời, cửa biển nông cạn, thuyền buôn phần nhiều tụ tập ở Vân Đồn*” (Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê, 1993, trang 131). Tác giả An Nam chí nguyên cũng cho biết: “*Thời Lý, Trần thuyền buôn các nước tụ tập nhiều ở đó*” (Cao Hùng Trưng, 2017, trang 152).

Trên nền tảng có từ thời Lý, nhà Trần hoàn thiện hơn hệ thống thương cảng. Với quá trình chuyển đổi đơn vị hành chính (từ *trang* sang *trấn*), hệ thống thương cảng Vân Đồn đã dần hoàn thiện hơn với các phân khu chuyên dụng phục vụ cho việc giao thương như: Khu kinh tế với hệ thống cảng; Khu dân cư; Khu hành chính và một số trạm kiểm soát giao thông, hàng hóa, phí cầu đường và an ninh.

Dưới thời nhà Trần, cấu trúc thương cảng Vân Đồn được hoàn thiện thành hệ thống thương cảng gồm nhiều bến cảng, phân bố trên chiều dài

---

<sup>5</sup> Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn. (1963). *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*. Tập I. Nxb. Giáo dục. Trang 291. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim (2003). *Thương cảng quốc tế Vân Đồn: tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng*. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Trang 80.

hàng chục km từ Nam ra Bắc và được chia thành 3 khu: (1) Khu vực trung tâm là trụ sở, trung tâm chính trị, kinh tế; (2) Khu trung chuyển, tiêu thụ, điều phối hàng hóa tại các cửa sông, hải đảo ven biển; (3) Khu vực cảng và bảo vệ an ninh cho thương cảng. Các công trình văn hóa tâm linh cũng được đầu tư; đặc biệt là khu vực trung tâm thương cảng như đảo Công Tây với 5 ngôi chùa và 1 bảo tháp...

Các hoạt động thương mại, ngoại giao và triều cống phát triển đã kéo theo làn sóng thương nhân nước ngoài đến đây. Trên các cảng đảo, cư dân, thương nhân tụ họp cũng ngày một đông, đã định hình nên một thương cảng với “*phong thổ và nhân vật đông đúc, giàu thịnh, việc buôn bán lưu thông tấp nập*” (Phan Huy Chú, 1992, trang 137). Tuy nhiên, tập trung nhiều dòng người ngoại quốc, với các thành phần xã hội khác nhau, lại gặp với một đế chế nhiều tham vọng nên vấn đề quản lý, bảo đảm an ninh cho các hoạt động kinh tế, xã hội ở Vân Đồn cũng là vấn đề đáng quan tâm.

Giống như nhà Lý, nhà Trần tiếp tục khai thác mặt mạnh của thương cảng Vân Đồn trong hoạt động giao thương đi đôi với việc đảm bảo an ninh quốc phòng. Một mặt, nhà Trần tạo điều kiện cho thương nhân đến Vân Đồn buôn bán, mặt khác tăng cường giám sát khu vực thương cảng. Ngoài các trạm tuần tra, pháo đài quan sát, nhà Trần còn thiết lập hệ thống điện trang, thái ấp (thực chất là căn cứ kinh tế, quân sự) ở vùng Vân Đồn và vùng Đông Bắc để bảo vệ kinh thành Thăng Long (Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê, 1993, trang 328).

Dưới thời kỳ đô hộ của nhà Minh (1407-1427), mặc dù chịu ảnh hưởng chính sách “Hải cấm” (海禁) nhưng do có vị trí trọng yếu nên Vân Đồn vẫn được chính quyền đô hộ quan tâm phát triển. Theo *Đại Việt địa dư toàn biên*, Vân Đồn

trong thời kỳ này được đổi thành, là một trong 8 huyện thuộc châu Tĩnh An, phủ Tân An. Để tăng cường kiểm soát, đặc biệt là thúc đẩy việc thu thuế và khai thác sản phẩm địa phương, chính quyền nhà Minh đã thiết lập các ty Thị Bạc đề cử và Trường trừu phân (sở đánh thuế buôn bán)<sup>6</sup>.

### 3.1.2. Giai đoạn thoái trào

Dưới thời Lê sơ (1428-1527), do ảnh hưởng của Nho giáo, triều đình kiểm soát khắt khe các hoạt động buôn bán, nhất là các cảng thị ngoại thương. Để phòng nguy cơ tái xâm lược của nhà Minh, *Quốc triều hình luật* cũng đưa ra các quy định chế tài nhằm kiểm soát chặt chẽ việc thông thương. Điều 612 quy định, các quan ty tự ý ra Vân Đồn đều bị xử tội đồ hay lưu, còn người tố cáo việc ấy được ban thưởng. Điều 615 quy định, nếu người ở Vân Đồn chở hàng hóa lên kinh thành bán và khi trở về không có giấy phép của An Phủ ty và giấy khám đặc của Đề Bạc ty thì bị phạt 100 quan tiền, đồng thời thưởng người tố cáo (một phần ba số tiền phạt); nếu tự ý đem hàng hóa đến bán ở các nơi làng xã ngoài kinh thành thì bị phạt 200 quan tiền; An Phủ ty, Đề Bạc ty vô tình không biết hay cố ý dung túng thì cũng bị phạt. Ngoài ra thuyền bè ngoại quốc muốn đến Vân Đồn buôn bán, muốn lưu lại buôn bán đều phải giấy trình An Phủ ty, nếu trang chủ không trình mà tự ý cho ở lại thì bị phạt tiền 200 quan<sup>7</sup>. Ngoài ra, sự phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ của hệ thống thương mại của Việt Nam và châu Á cũng làm cho thương cảng Vân Đồn ở thời kỳ này có dấu hiệu sút giảm so với thời kỳ trước đó.

Với sự hưng thịnh của các trung tâm thương mại lớn như Thăng Long, Phố Hiến ở Đàng Ngoài và Thanh Hà, Hội An, Nước Mặn ở Đàng Trong..., vị trí của Vân Đồn đã bị suy giảm. Trên thực tế, vào thế kỷ XVII, hoạt động thương mại của Đại

---

<sup>6</sup> Dẫn theo Nguyễn Hải Kế (2023). Có một Vân Đồn ở giữa Yên Bang, Yên Quảng tĩnh lặng. Truy cập 1/7/2024, từ <https://his.ussh.vnu.edu.vn/vi/news>

<sup>7</sup> Dẫn theo Lê Thị Khánh Ly (2010). *Quốc triều hình luật đỉnh cao của thành tựu luật pháp Việt Nam thời phong kiến*. Truy cập 1/7/2024, từ <http://dlib.huc.edu.vn/bitstream>

Việt mở rộng về phía đất liền, mở cửa cho thuyền buôn nước ngoài được vào sâu trong nội địa. Hơn nữa, sự xuất hiện của hệ thống cảng cửa sông vùng Đông Bắc với các trung tâm thương mại lớn như Kẻ Chợ (Thăng Long), Phố Hiến (Hưng Yên) vào cuối thế kỷ XVII, đầu XVIII cũng khiến Vân Đồn dần mất đi vị thế quan trọng trong ngoại thương. Đến thế kỷ XIX dưới thời nhà Nguyễn, thương cảng Vân Đồn không còn giữ vai trò kinh tế mà chỉ đơn thuần đảm nhận nhiệm vụ giám sát, đảm bảo an ninh cho các trung tâm kinh tế, chính trị trong nội địa.

### 3.2. Thương cảng Vân Đồn và quá trình giao lưu văn hóa

Khi phân tích con đường phát triển đô thị của Việt Nam thời Trung Cổ cổ đại, nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra quan điểm, người Việt hướng ra biển không chỉ để khai thác nguồn hải sản mà còn lợi ích giao lưu về kinh tế và văn hoá. Các phát hiện khảo cổ học cho thấy, ngay từ thời kỳ đồ đá mới, ở vùng đảo Đông Bắc, chủ nhân của văn hóa Hạ Long đã có sự giao lưu với thế giới bên ngoài và chính sự giao lưu đó đã *“làm thành một đặc trưng độc đáo của văn hóa Hạ Long, một nền văn hóa ở vào cửa ngõ của nền văn minh Việt cổ”* (Hà Văn Tấn, 1998, trang 267). Đặc biệt, thông qua sự trao đổi này, nền văn minh Việt cổ nhận được những cơ hội thuận lợi nhất cho quá trình phát triển<sup>8</sup>.

Nằm ở vị trí cửa ngõ của vùng biển Đông Bắc, Vân Đồn là *“cửa ngõ thông ra biển”* với một số quốc gia láng giềng châu Á. Thực tế lịch sử cho thấy, phía Bắc Đại Việt, địa hình rừng núi hiểm trở, giao thông đường bộ khá khó khăn, ngược lại với hệ thống sông ngòi và đường biển dài, giao thông đường thủy lại tương đối thuận tiện. Đặc biệt, từ miền Nam Trung Quốc đến kinh đô Thăng Long, đi theo đường thủy là nhanh chóng, tiện lợi hơn cả (Nguyễn Văn Kim, 2003, trang 79-80). Do đó, người dân Đại Việt hay thương lái nước ngoài

khi đến phương Bắc và phương Nam thường chọn đi bằng đường thủy. Điều này giải thích vì sao con đường biển từ miền Nam Trung Quốc đến vùng biển đảo Đông Bắc của Đại Việt luôn được chính quyền phương Bắc và nhiều nhà thám hiểm phương Tây điều tra kỹ lưỡng.

Các nguồn sử liệu cũng cho thấy, ngay từ thế kỷ thứ I-II, nhiều nhà truyền giáo, sứ thần, thương nhân từ Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư,... đã đến vùng Giao Châu để buôn bán, thiết lập bang giao và hoàng dương Phật pháp (Nguyễn Văn Kim, 2003, trang 84). Đặc biệt, nơi đây còn nhộn nhịp với việc xuất khẩu gia vị, lâm sản sang các nước mà các nhà khoa học thường gọi là *“con đường gia vị”*.

Với vai trò của một trung tâm kinh tế và bang giao biển, Vân Đồn còn là nơi dung chứa một trữ lượng lớn các di sản văn hóa biển. Dấu ấn văn hóa biển cũng thể hiện rõ nét trong các đời sống văn hóa của cư dân. Cư dân ở Vân Đồn phần lớn đều theo nghề buôn bán. Họ có năng lực tổ chức cao và hoạt động trong không gian biển rộng lớn. Nguồn thu nhập, thực phẩm và quần áo đều dựa vào thương nhân nước ngoài.

Sự đa dạng của các hiện vật được tìm thấy ở các bến cảng và bờ biển cho thấy sự hiện diện của các nhóm thương nhân. Dấu vết của các khu định cư như giếng nước và di tích tôn giáo; Hiện vật tìm thấy ở Vân Đồn như chum đất sét đựng tiền đồng cổ thuộc các thời kỳ phong kiến Trung Quốc từ nhà Đường đến nhà Thanh; Tiền xu Việt Nam từ thời Lý đến Nguyễn, ngoài ra còn có các di vật gốm sứ có niên đại từ các thời Tống, Minh, Thanh (Trung Quốc) đến Lý, Trần, Tiền Lê, Mạc.... cũng cho thấy sự tồn tại trong quá khứ của một khu dân cư thịnh vượng.

Đặc biệt, trong bối cảnh quan hệ thương mại phát triển, làn sóng cư dân nước ngoài đến thương cảng Vân Đồn ngày càng gia tăng. Những cư dân ngoại quốc này đã mang đến cho không

---

<sup>8</sup> Hà Hữu Nga, Nguyễn Văn Hào. (2002). Hạ Long thời tiền sử. Ban quản lý vịnh Hạ Long. Quảng Ninh. Trang 236. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim (2003). Thương cảng quốc tế Vân Đồn: tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Trang 84.

gian văn hóa, kinh tế biển Đại Việt thêm những sinh lực phát triển mới. Trong *Dur địa chí*, Nguyễn Trãi viết rằng: “*thương nhân nước ngoài có thể đi theo trang phục và phong tục truyền thống của mình*” (Nguyễn Trãi, 2001, trang 466). Mặc dù chính quyền rất quan tâm đến việc bảo vệ an ninh chủ quyền và văn hóa quốc gia nhưng họ cũng tôn trọng truyền thống và phong tục của các thương nhân nước ngoài. Và nhờ đó mà hệ thống tri thức, tín ngưỡng tôn giáo và nhiều di sản văn hóa ngoại sinh đã có cơ hội chuyển giao.

Nằm trên tuyến hàng hải kéo dài từ các nước Đông Nam Á đến Trung Quốc, Vân Đồn là “*một trong những tâm điểm giao hòa của các nền văn hóa phương Đông*” (Nguyễn Văn Kim, 2003, trang 84). Ngay từ những thế kỷ đầu, tàu bè từ nhiều nước châu Á khác nhau đã đến Giao Châu buôn bán, đồng thời các tín đồ Phật giáo cũng đến Giao Châu để truyền bá tôn giáo. Các nhà khảo cổ cũng đã phát hiện dấu vết kiến trúc Phật giáo ở Vân Đồn như các công trình kiến trúc Phật giáo thuộc thiền phái Trúc Lâm được xây dựng từ thời Lý - Trần như chùa Lâm, chùa Trong (Thương Cảng Tự), chùa Vụng, chùa Cát, Báo Tháp... Ngoài chùa, thương cảng Vân Đồn còn có đình làng, là nơi sinh hoạt văn hóa tâm linh của cư dân, trong đó phải kể đến đình Cái Làng, đình Cống Cái (nay thuộc xã Quan Lạn).

Điều đáng chú ý là Vân Đồn tuy là cảng biển nhưng lại có mối liên hệ chặt chẽ với các cửa sông, làng nghề nổi tiếng (ở vùng đồng bằng sông Hồng cũng như vùng núi cao Đông Bắc, Tây Bắc). Ngoài ra, thương cảng Vân Đồn xưa có mối quan hệ mật thiết với các trung tâm kinh tế nội địa và hệ thống các cảng trong đất liền như Bến Cái Công (đảo Cái Bàn), bến Đượng Hạc, Hòn Dấu... (huyện Yên Hưng), bến Gạo Rang, bến Bang (huyện Hoàn Kiếm), bến Vạn Ninh (thị xã Móng Cái)... Sự kết nối này là một trong những yếu tố nội sinh góp phần quan trọng thúc đẩy giao lưu

văn hóa nội vùng và liên vùng.

#### 4. Kết luận

Mặc dù những thăng trầm của lịch sử đã tác động không nhỏ đến hoạt động giao thương ở Vân Đồn. Tuy nhiên, Vân Đồn chưa bao giờ trầm lắng, ít nhất là về vị trí (địa kinh tế, địa chính trị, địa văn hóa) mà theo tôi có lẽ xuất phát từ tiềm năng của Vân Đồn:

(1) Nằm ở vị trí chiến lược (gần trung tâm kinh tế, văn hóa phía Nam Trung Quốc; điểm trung chuyển an toàn trên tuyến hàng hải giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á, giữa Đông Bắc Việt Nam với Đông Nam và Tây Nam Trung Quốc; là nơi tập kết, trung chuyển hàng hóa; là cầu nối trung gian cho các mối quan hệ liên khu vực, liên quốc gia...)

(2) Vùng đất giàu nguồn tài nguyên khoáng sản.

(3) Tư duy “hướng biển” và tính cách mở của cư dân vùng biển.

Với tiềm năng, vị thế của một thương cảng cửa ngõ của vùng biển Đông Bắc, Vân Đồn nổi lên như một quốc cảng “*mang tính xuyên đại về sự kết hợp giữa yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh đất nước*” (Nguyễn Văn Kim, 2003, trang 87). Điều này giải thích vì sao trong suốt tiến trình lịch sử chính quyền Nhà nước luôn có những nỗ lực để kiểm soát thương cảng này.

Được kiến dựng ở vùng biển Đông Bắc trọng yếu, trong quá khứ cũng như hiện tại và tương lai, vị thế của Vân Đồn luôn quan trọng hơn bao giờ hết. Những tiềm năng, lợi thế của Vân Đồn bao gồm di sản văn hóa, vị thế giao thương và lịch sử chống ngoại xâm không chỉ tạo động lực phát triển bền vững của vùng biển Đông Bắc Tổ quốc mà còn là minh chứng cho sự nghiệp chấn hưng đất nước, tất cả vì một “*Thiên Nam vạn cổ sơn hà tại*” (Dịch nghĩa: bình yên muôn thuở nước Nam này)<sup>9</sup>

---

<sup>9</sup> Dẫn theo Lê Thánh Tông (2008). Ngự chế *Thiên Nam động chủ đề*. Truy cập 1/7/2024, từ <https://www.thivien.net>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao Hùng Trung. (2017). *An Nam chí nguyên*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Đỗ Văn Ninh. (1997). Huyện Đảo Vân Đồn. Quảng Ninh: Ủy ban Nhân dân huyện Vân Đồn. Trang 145-46. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim. (2015). *Vân Đồn: an international sea port of Đại Việt*. Trong Gin, O. K., & Tuan, H. A. *Early Modern Southeast Asia 1350-1800* (pp.122-135). London, UK: Routledge.
- Hà Văn Tấn. (1998). *Khảo cổ học Việt Nam*. Tập I. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Ngô Sĩ Liên và sử thần triều Lê. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập I, II. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Trãi (2001). *Dư Địa Chí*. Hà Nội: NXB Văn học. Trang 587.
- Nguyễn Văn Kim & Nguyễn Mạnh Dũng. (2007). Truyền thống và hoạt động thương mại của người Việt: Thực tế lịch sử và nhận thức. *Nghiên cứu lịch sử*, 21-37.
- Nguyễn Văn Kim. (2015). Vân Đồn: an international sea port of Đại Việt. Trong O. K. Gin, *Early Modern Southeast Asia 1350-1800* (trang 122-135). London, UK: Routledge.
- Phan Huy Chú. (1992). Dư địa chí. Trong N. H. (dịch), *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Trần Quốc Vượng (2010). Về địa điểm Vân Đồn. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Lưu trữ số 130. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim. (2015). *Vân Đồn: an international sea port of Đại Việt*. Trong Gin, O. K., & Tuan, H. A. *Early Modern Southeast Asia 1350-1800* (pp.122-135). London, UK: Routledge.
- Hà Hữu Nga, Nguyễn Văn Hào. (2002). Hạ Long thời tiền sử. Ban quản lý vịnh Hạ Long. Quảng Ninh. Trang 236. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim (2003). Thương cảng quốc tế Vân Đồn: tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Trang 84.
- Lombard. (2007). Another Mediterranean in Southeast Asia. *Chinese Southern Diaspora Studies*, 1, 1-13.
- Nguyễn Văn Kim. (2003). Thương cảng quốc tế Vân Đồn: tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng. *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6 – 2023, 79-88.
- Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn. (1963). Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam. Tập I. NXB. Giáo dục. Trang 291. Dẫn theo Nguyễn Văn Kim (2003). Thương cảng quốc tế Vân Đồn: tiềm năng, vị thế và các quan hệ vùng. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Trang 80.
- Lê Thánh Tông (2008). Ngự chế Thiên Nam động chủ đề. Truy cập 1/7/2024, từ <https://www.thivien.net>
- Lê Thị Khánh Ly (2010). "Quốc triều hình luật" đỉnh cao của thành tựu luật pháp Việt Nam thời phong kiến. Truy cập 1/7/2024, từ <http://dlib.huc.edu.vn/bitstream>
- Nguyễn Hải Kế. (2024). Có một Vân Đồn ở giữa Yên Bang, Yên Quảng tỉnh lặng. Truy cập 1/7/2024, từ <https://his.ussu.vnu.edu.vn/vi/news>
- Nguyễn Trãi (2007). Vân Đồn. Bản dịch của Đào Duy Anh. Truy cập 1/7/2024, từ <https://www.thivien.net>
- Trần Nhuận Minh (2024). Hai bài thơ của vua Lê Thánh Tông và Chúa An Đô Vương Trịnh Cương khắc vào vách đá núi Truyền Đăng, nay là núi Bài Thơ ở trung tâm thành phố Hạ Long (Quảng Ninh). Truy cập 1/7/2024, từ <https://vietvanmoi.fr/index452.html>
- Yamamoto. (1981). Van-don: A Trade Port in Vietnam. *Memoirs of the Research Department of the Toyo Bunko*, 1-32.